

Số: /QĐ-UBND

Bằng Lăng, ngày 29 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính xã Bằng Lăng năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BẰNG LÃNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về
ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 -
2030;

Căn cứ Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị
quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ và Nghị quyết số
08-NQ/TU ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, giai đoạn
2021 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân xã Bằng Lăng về triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày
15/7/2021 của Chính phủ về chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước
giai đoạn 2021 - 2030 và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 22/4/2021 của Ban Chấp
hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh
tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Ủy
ban nhân dân huyện Chợ Đồn về việc ban hành Kế hoạch thực hiện công tác cải
cách hành chính huyện Chợ Đồn năm 2024;

Theo đề nghị của Văn phòng – Thống kê xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện công tác cải
cách hành chính xã Bằng Lăng năm 2024.

(Có Kế hoạch chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

KẾ HOẠCH**Thực hiện công tác cải cách hành chính xã Bằng Lăng năm 2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 29 /01/2024
của UBND xã Bằng Lăng)

Căn cứ Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 20/01/2022 của UBND xã Bằng Lăng về triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 22/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 – 2025; Căn cứ Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn về việc ban hành Kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính huyện Chợ Đồn năm 2024

UBND xã Bằng Lăng ban hành Kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2024, với những nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU**1. Mục tiêu chung:**

Đẩy mạnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp về công tác CCHC trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 22/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025. Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, giai đoạn 2021 – 2025. Căn cứ Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã Bằng Lăng về triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 22/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 – 2025. Trong đó, thực hiện có hiệu quả, đồng bộ các lĩnh vực CCHC, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao Chỉ số CCHC của tỉnh, Chỉ số hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỤ THỂ

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương; sự phối hợp của cán bộ, công chức trong việc thực hiện CCHC, coi công tác CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên và là khâu đột phá của xã.

2. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, đối với công tác CCHC; đặc biệt là nâng cao trách nhiệm, vai trò trực tiếp chỉ đạo của người đứng đầu của cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; gắn việc thực hiện công tác CCHC với công tác thi đua khen thưởng để nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và đội ngũ cán bộ, công chức, trong thực thi nhiệm vụ.

4. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức, trong thực thi công vụ. Khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia vào tiến trình CCHC và giám sát chất lượng thực thi công vụ của cán bộ, công chức.

5. Tiếp tục quan tâm tổ chức bồi dưỡng tập huấn cho công chức tham mưu thực hiện công tác CCHC của xã.

6. Đảm bảo kinh phí cho việc thực hiện các dự án, chương trình, kế hoạch CCHC của xã.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các ban ngành xã, các bộ phận chuyên môn được giao chủ trì thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC tại Mục II, Kế hoạch này, chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ.

Phổ biến, quán triệt các nội dung trong Kế hoạch này và của đơn vị đến toàn thể cán bộ, công chức trong cơ quan đơn vị. Bố trí kinh phí thực hiện công tác CCHC của cơ quan, đơn vị.

2. Trạm Truyền thanh xã; Cổng thông tin điện tử xã; thường xuyên thông tin, tuyên truyền tình hình triển khai, kết quả thực hiện các nhiệm vụ CCHC của Kế hoạch.

3. Văn phòng – Thống kê chịu trách nhiệm giúp UBND xã kiểm tra, đôn đốc các công chức chuyên môn thực hiện Kế hoạch này. Tham mưu UBND cho lãnh đạo có giải pháp, biện pháp nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra giám sát đối với công tác CCHC.

4. Ban chỉ đạo CCHC xã chỉ đạo, đôn đốc các bộ phận liên quan thực hiện có

hiệu quả các nhiệm vụ trong Kế hoạch.

5. Đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã; đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, tổ chức chính trị - xã hội các cấp: Tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ công tác CCHC, đặc biệt là công tác giải quyết TTHC của đơn vị, địa phương để kiến nghị kịp thời thực hiện các giải pháp, biện pháp chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, khắc phục những tồn tại, hạn chế.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác CCHC xã Bằng Lăng năm 2024. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh đề nghị các bộ phận chuyên môn liên quan phản ánh về UBND xã (*qua bộ phận Văn phòng – Thống kê*) để xem xét, giải quyết./.

PHỤ LỤC**Các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể triển khai kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024**

| TT | 1-Mục tiêu | 2-Nhiệm vụ | 3-Hoạt động | 4-Kết quả/ Sản phẩm | 5-Cơ quan chủ trì | 6-Cơ quan phối hợp | 7-Thời gian thực hiện | 8-Dự kiến kinh phí |
|----------|--|---|--|--|--|---|-----------------------------|-----------------------|
| I | CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH | | | | | | | |
| 1 | 1.1. Nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành trong công tác CCHC trên địa bàn xã. Tăng cường trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, nhất là các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC của xã, người đứng đầu đơn vị trong triển khai các nhiệm vụ CCHC. | 2.1. Thực hiện các nhiệm vụ CCHC đã xác định trong kế hoạch CCHC năm 2024 | 3.1. Xây dựng và ban hành văn bản chỉ đạo | Văn bản chỉ đạo của UBND xã | UBND xã | Các Ban ngành đoàn thể xã, công chức chuyên môn | Quý I/2024 | |
| | | | 3.2. Hội nghị sơ kết; họp giao ban tháng; quý...(kết hợp trong nội dung Hội nghị, họp giao ban hằng tháng, quý của UBND xã). | Thông báo kết luận | UBND xã | Các Ban ngành đoàn thể xã, công chức chuyên môn | Thường xuyên | |
| 2 | | 2.2. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC | 3.3. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền CCHC | Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2024 | UBND xã | Các Ban ngành đoàn thể xã, công chức chuyên môn | Quý I/2024 | |
| | | | 3.4. Thực hiện tuyên truyền trên trang thông tin điện tử của xã, của đơn vị; các hội nghị, cuộc thi... | Các hình thức tuyên truyền | Người làm công tác Đài truyền thanh, công chức văn hóa thông tin | UBND xã | Thường xuyên | |
| 3 | | 2.3. Phối hợp Kiểm tra công tác CCHC tại đơn vị | 3.5. Báo cáo | Chuẩn bị báo cáo phục vụ Đoàn kiểm tra của Ban Chỉ đạo CCHC xã | UBND xã | Các Ban ngành đoàn thể xã, công chức chuyên môn | Quý I-II/2024 | |
| | | | 3.6. Khắc phục những | Báo cáo của | UBND xã | Các Ban ngành | Quý | |

| TT | 1-Mục tiêu | 2-Nhiệm vụ | 3-Hoạt động | 4-Kết quả/ Sản phẩm | 5-Cơ quan chủ trì | 6-Cơ quan phối hợp | 7-Thời gian thực hiện | 8-Dự kiến kinh phí |
|---|--|---|--|---|-----------------------------|---|-----------------------------|-----------------------|
| | | | tồn tại, hạn chế và những kiến nghị của Đoàn kiểm tra | UBND xã | | đoàn thể xã, công chức chuyên môn | IV/2024 | |
| 4 | | 2.4. Đổi mới, sáng tạo trong chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC gắn với thực hiện chuyên môn | 3.7. Đăng ký sáng kiến, giải pháp mới | Văn bản đăng ký của UBND xã | UBND xã | Các Ban ngành đoàn thể xã, công chức chuyên môn | Quý I-III/2024 | |
| | | | 3.8. Thực hiện hoàn thiện hồ sơ đăng ký sáng kiến | Hồ sơ đăng ký sáng kiến gửi cấp trên | UBND xã | Các Ban ngành đoàn thể xã, công chức chuyên môn | Quý II-IV/2024 | |
| 5 | 1.2. Kết quả Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2024 tăng so với năm 2023 | 2.5. Thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ UBND tỉnh, UBND huyện giao tại các quyết định, chương trình, kế hoạch và các văn bản chỉ đạo... | 3.9. Triển khai thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao | Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao | UBND xã | Các bộ phận chuyên môn | Thường xuyên | |
| 3.10. Xây dựng kế hoạch khắc phục những tồn tại, hạn chế chỉ số xã năm 2023, nâng cao chỉ số năm 2024 | | | Kế hoạch của UBND xã | UBND xã | Đầu mỗi Cải cách hành chính | | | |
| 6 | | | 2.7. Tiếp tục triển khai bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC Các sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã | 3.11. Phối hợp tổ chức điều tra xã hội học chỉ số CCHC năm 2024 | Văn bản triển khai | UBND xã | Các bộ phận chuyên môn | Tháng 10-11/2024 |
| 7 | | | 3.12. Tự đánh giá chấm điểm chỉ số CCHC xã | | UBND xã | Các bộ phận chuyên môn | Tháng 12/2024 | |

| TT | 1-Mục tiêu | 2-Nhiệm vụ | 3-Hoạt động | 4-Kết quả/ Sản phẩm | 5-Cơ quan chủ trì | 6-Cơ quan phối hợp | 7-Thời gian thực hiện | 8-Dự kiến kinh phí |
|-----------|--|--|--|---|------------------------------|---|--|-----------------------|
| | | | năm 2024 | | | | | |
| 8 | 1.3. Tăng cường thu hút đầu tư góp phần đẩy mạnh phát triển KTXH trên địa bàn xã; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp xã năm 2024 | 2.8. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh xã năm 2024 | 3.13. Xây dựng kế hoạch hoặc văn bản triển khai nâng cao năng lực cạnh tranh cấp huyện năm 2024 | Kế hoạch của UBND xã | UBND xã | Các bộ phận chuyên môn | Quý II/2024 | |
| 9 | | 2.9. Tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo xã với người dân, doanh nghiệp | 3.14. Xây dựng kế hoạch, chương trình đối thoại của UBND xã | Kế hoạch, chương trình, các cuộc đối thoại, các văn bản liên quan | UBND xã | Các ban ngành đoàn thể, bộ phận chuyên môn, người dân, doanh nghiệp | Quý II-IV/2024 | |
| 10 | | 2.10. Đẩy mạnh việc phối hợp với các nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đầu tư | 3.15. Phối hợp các nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đầu tư theo thẩm quyền và nội dung liên quan (nếu có) | Văn bản phối hợp (nếu có) | UBND xã | Các doanh nghiệp | Thường xuyên | |
| II | CẢI CÁCH THỂ CHẾ | | | | | | | |
| 11 | 1.4. Văn bản QPPL của xã ban hành đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, tính khả thi. 1.5. Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý | 2.11. Ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản QPPL năm 2024 và triển khai thực hiện | 3.16. Xây dựng dự thảo kế hoạch và báo cáo trình UBND xã ban hành | Kế hoạch UBND xã; Báo cáo kết quả thực hiện | CC tư pháp hộ tịch | Các bộ phận có liên quan; UBND xã | Ban hành Kế hoạch trong quý I/2024; Triển khai trong năm 2024 | |
| 12 | | 2.12. Tham mưu ban hành các văn bản QPPL | 3.17. Xây dựng nghị quyết, quyết định | Nghị quyết HĐND xã; Quyết định UBND xã | Ban soạn thảo VBQPPL UBND xã | CC Tư pháp – hộ tịch | Khi luật giao | |

| TT | 1-Mục tiêu | 2-Nhiệm vụ | 3-Hoạt động | 4-Kết quả/ Sản phẩm | 5-Cơ quan chủ trì | 6-Cơ quan phối hợp | 7-Thời gian thực hiện | 8-Dự kiến kinh phí |
|----------------|---|--|--|--|---------------------------|------------------------------------|---|-----------------------|
| 13 | nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật. | 2.13. Thường xuyên rà soát các văn bản QPPL của HĐND, UBND xã ban hành để tham mưu sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế | 3.18. Xây dựng nghị quyết, quyết định để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL sau rà soát | Nghị quyết của HĐND xã, Quyết định của UBND xã | Ban pháp chế | Công chức Tư pháp-Hộ tịch | Thường xuyên | |
| 14 | | 2.14. Kịp thời thực hiện tự kiểm tra, kiểm tra theo thẩm quyền đối với các văn bản QPPL | 3.19. Tự kiểm tra, kiểm tra theo thẩm quyền đối với các văn bản QPPL của HĐND và UBND xã | Báo cáo kết quả kiểm tra văn bản | Công chức Tư pháp-Hộ tịch | Các ban, ngành xã | Thường xuyên | |
| 15 17 18 | | 2.15. Ban hành Kế hoạch Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn xã Bằng Lăng năm 2024 2.16. Ban hành Kế hoạch kiểm tra theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trên địa bàn xã Bằng Lăng năm 2024 2.17. Ban hành Kế hoạch điều tra, khảo sát theo dõi tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trên địa bàn huyện Chợ Đồn năm | 3.20. Xây dựng dự thảo Kế hoạch Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn xã Bằng Lăng năm 2024 trình UBND xã ban hành 3.21. Xây dựng dự thảo Kế hoạch kiểm tra theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trên địa bàn xã Bằng Lăng năm 2024 trình UBND xã ban hành | Kế hoạch của UBND xã | Công chức Tư pháp-Hộ tịch | Các bộ phận chuyên môn UBND cấp xã | Ban hành kế hoạch theo thời gian yêu cầu của UBND huyện; tổ chức thực hiện năm 2024 | |
| | | | | | Công chức Tư pháp-Hộ tịch | Các bộ phận chuyên môn UBND cấp xã | Trong năm 2024 | |

| TT | 1-Mục tiêu | 2-Nhiệm vụ | 3-Hoạt động | 4-Kết quả/ Sản phẩm | 5-Cơ quan chủ trì | 6-Cơ quan phối hợp | 7-Thời gian thực hiện | 8-Dự kiến kinh phí |
|----|---|---|---|--|------------------------------|--------------------------------------|--|-----------------------|
| | | 2024 | 3.22. Xây dựng dự thảo Kế hoạch điều tra, khảo sát theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trên địa bàn xã Bằng Lăng năm 2024 trình UBND xã ban hành | | Công chức Tư pháp-Hộ tịch | Các bộ phận chuyên môn UBND cấp xã | Quý II/2024 | |
| 19 | 1.5. Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật. | 2.18. Ban hành báo cáo kết quả Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn xã năm 2024 | 3.23. Xây dựng dự thảo báo cáo kết quả Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn xã năm 2024 trình UBND xã ban hành | Báo cáo của UBND xã | Công chức Tư pháp-Hộ tịch | Các bộ phận chuyên môn UBND cấp xã | Tháng 12/2024 | |
| 20 | 1.4. Văn bản QPPL của xã ban hành đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, tính khả thi. | 2.19. Ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản QPPL năm 2024 và triển khai thực hiện | 3.24. Xây dựng dự thảo kế hoạch và báo cáo trình UBND xã ban hành | Kế hoạch UBND xã; Báo cáo kết quả thực hiện | CC tư pháp hộ tịch | Các bộ phận có liên quan; UBND xã | Ban hành Kế hoạch trong quý I/2024; Triển khai trong năm 2024 | |
| 21 | | 2.20. Tham mưu ban hành các văn bản QPPL | 3.25. Xây dựng nghị quyết, quyết định | Nghị quyết HĐND xã; Quyết định UBND xã | Ban soạn thảo VBQPPL UBND xã | CC Tư pháp – hộ tịch | Khi luật giao | |
| 22 | | 2.21. Thường xuyên rà soát các văn bản QPPL của HĐND, | 3.26. Xây dựng nghị quyết, quyết định để sửa đổi, bổ sung, bãi | Nghị quyết của HĐND xã, Quyết định của UBND | Ban pháp chế | Công chức Tư pháp-Hộ tịch | Thường xuyên | |

| TT | 1-Mục tiêu | 2-Nhiệm vụ | 3-Hoạt động | 4-Kết quả/ Sản phẩm | 5-Cơ quan chủ trì | 6-Cơ quan phối hợp | 7-Thời gian thực hiện | 8-Dự kiến kinh phí |
|------------|---|---|---|---|--|---|---|-----------------------|
| | | UBND xã ban hành đề tham mưu sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế | bỏ, thay thế văn bản QPPL sau rà soát | xã | | | | |
| III | CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | | | | | | | |
| 23 | 1.6. 100% thủ tục hành chính được công khai kịp thời, đúng quy định | 2.22. Công khai thủ tục hành chính (TTHC) | 3.27. Công khai TTHC trên Trang TTĐT của xã; Bộ phận Một cửa xã | trên trang TTĐT của xã; Bộ phận Một cửa xã | Công chức Văn hóa Thông tin; Bộ phận Một cửa xã | Phòng văn hóa cấp huyện, các bộ phận có thủ tục hành chính | Thường xuyên | |
| 24 | 1.7. 100% hồ sơ TTHC khi tiếp nhận phải được số hóa | 2.23. Việc ký số thành phần hồ sơ tại Bộ phận Một cửa theo đúng quy định; Hồ sơ TTHC khi tiếp nhận phải được cập nhật đầy đủ, kịp thời trên Phần mềm Một cửa điện tử của xã | 3.28. Chỉ đạo, quán triệt cán bộ, công chức tại Bộ phận Một cửa thực hiện đảm bảo quy trình số hóa theo quy định | Hồ sơ TTHC được số hóa để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã | Đầu mối kiểm soát TTHC | Trong năm 2024 | |
| 25 | 1.8. Rà soát, đơn giản hóa định kỳ trong năm: 20% tổng số TTHC được rà soát có phương án được phê duyệt | 2.24. Rà soát, đánh giá TTHC; trong đó tập trung rà soát, đơn giản hóa về thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết, yêu cầu, điều kiện kinh doanh, đẩy mạnh ủy quyền, phân cấp trong giải quyết TTHC | 3.29. Xây dựng kế hoạch; tổ chức rà soát, đánh giá; Qua rà soát, đánh giá có phương án đơn giản hóa trình UBND huyện | Báo cáo đề xuất phương án đơn giản hóa trình UBND huyện | Các bộ phận chuyên môn; | Đầu mối kiểm soát TTHC | Theo Kế hoạch của UBND huyện | |
| | 1.9. Rà soát phát sinh trong năm: Theo chỉ tiêu tại văn bản của UBND tỉnh | | 3.30. Báo cáo kết quả thực hiện, gửi UBND huyện | | | | Theo văn bản chỉ đạo của UBND huyện | |
| 26 | 1.10. 20% hồ sơ | 2.25. Đẩy mạnh việc | 3.31. Tuyên truyền, | Hồ sơ của thủ tục | Bộ phận Tiếp | CC tư pháp hộ | Trong năm | |

| TT | 1-Mục tiêu | 2-Nhiệm vụ | 3-Hoạt động | 4-Kết quả/ Sản phẩm | 5-Cơ quan chủ trì | 6-Cơ quan phối hợp | 7-Thời gian thực hiện | 8-Dự kiến kinh phí |
|-----------|--|--|---|---|-------------------------------------|---|-----------------------------|-----------------------|
| | TTHC được chứng thực điện tử trên tổng số hồ sơ phát sinh của thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính | thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính | hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính | chứng thực bản sao từ bản chính được chứng thực điện tử | nhận và Trả kết quả cấp xã | tịch; công chức đầu mối kiểm soát TTHC, công chức văn hóa thông tin | 2024 | |
| 27 | 1.11. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt 90% trở lên | 2.26. Thực hiện đối thoại giữa lãnh đạo các cấp với tổ chức, cá nhân về TTHC | 3.32. Xây dựng kế hoạch đề tổ chức đối thoại/khảo sát, lấy ý kiến của người dân; Qua rà soát, đánh giá có báo cáo kết quả thực hiện, gửi UBND huyện | Các cuộc đối thoại được tổ chức | Các bộ phận chuyên môn; UBND cấp xã | Các đơn vị có liên quan | Trong năm 2024 | |
| 28 | 1.12. 100% kiến nghị, phản ánh được xử lý dứt điểm | 2.27. Tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính/hành vi hành chính | 3.33. Tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị và tham mưu xử lý theo quy định | Văn bản chỉ đạo; Báo cáo giải trình; văn bản xin lỗi của đơn vị | Các bộ phận chuyên môn; UBND cấp xã | Văn phòng HĐND và UBND huyện | Thường xuyên trong năm 2024 | |
| IV | CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY | | | | | | | |
| 29 | 1.13. Đảm bảo tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được sắp xếp tinh gọn, hoạt động hiệu quả và đúng | 2.28. Tiếp tục rà soát sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy | 3.34. Xây dựng đề án sắp xếp | Đề án của đơn vị | Các ban, ngành; UBND xã | Phòng Nội vụ | Thường xuyên | |
| | | | 3.35. Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án sắp xếp | Tờ trình của đơn vị; Quyết định của UBND huyện | Các ban, ngành; UBND xã | Văn phòng HĐND&UBND huyện | Thường xuyên | |
| 30 | | 2.29. Tiếp tục rà soát quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền | 3.36. Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu | Dự thảo quy định chức năng, nhiệm | Các ban, ngành; UBND xã | Phòng Nội vụ huyện | Thường xuyên | |

| TT | 1-Mục tiêu | 2-Nhiệm vụ | 3-Hoạt động | 4-Kết quả/ Sản phẩm | 5-Cơ quan chủ trì | 6-Cơ quan phối hợp | 7-Thời gian thực hiện | 8-Dự kiến kinh phí |
|--|--|---|---|---|-------------------------|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| 31 | quy định pháp luật hiện hành | hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy cơ quan, đơn vị khi có văn bản hướng dẫn của cấp trên | tổ chức bộ máy | vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy | | | | |
| | | | 3.37. Trình cấp có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy | Tờ trình của đơn vị; Quyết định của UBND huyện | Các ban, ngành; UBND xã | Văn phòng HĐND&UBND huyện | Thường xuyên | |
| | | 2.30. Tiếp tục rà soát sắp xếp các thôn | 3.38. Ban hành văn bản chỉ đạo, đôn đốc và hướng dẫn các thôn thực hiện rà soát | Văn bản chỉ đạo, đôn đốc và hướng dẫn của UBND xã | UBND xã | Các ban ngành đoàn thể, các thôn | Trong năm 2024 | |
| 3.39. Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt việc sáp nhập các thôn | Tờ trình của UBND xã | | UBND xã | Các ban ngành đoàn thể, các thôn | Trong năm 2024 | | | |
| 32 | 1.14. Quản lý, sử dụng biên chế công chức đảm bảo theo đúng quy định | 2.31. Rà soát tổng hợp biên chế công chức | 3.40. Phối hợp xây dựng Nghị quyết quyết định biên chế công chức; phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN năm 2025 | Đề án, Tờ trình, Nghị quyết, Quyết định | UBND xã | Phòng Nội vụ | Quý IV/2024 | |
| 33 | 1.15. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền quản lý | 2.32. Thực hiện tốt việc phân cấp quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. | 3.41. Tiếp tục triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện theo phân cấp quản lý theo ngành, lĩnh vực | Văn bản | UBND xã | Cán bộ công chức xã | Năm 2024 | |
| V | CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ | | | | | | | |

| TT | 1-Mục tiêu | 2-Nhiệm vụ | 3-Hoạt động | 4-Kết quả/ Sản phẩm | 5-Cơ quan chủ trì | 6-Cơ quan phối hợp | 7-Thời gian thực hiện | 8-Dự kiến kinh phí |
|----|---|--|---|---|--------------------------|------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| 34 | 1.17. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức | 2.33. Tổ chức tuyển dụng công chức | 3.42. Rà soát, đăng ký tuyển dụng theo quy định | Công văn | UBND xã | Phòng Nội vụ | Quý II - IV/2024 | |
| 35 | | 2.34. Thực hiện đúng các quy định về công tác quy hoạch, bổ nhiệm lãnh đạo quản lý | 3.43. Rà soát, xây dựng quy hoạch lãnh đạo quản lý theo quy định | Danh sách quy hoạch | UBND xã | UBND huyện | Thường xuyên | |
| | | | 3.44. Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại lãnh đạo quản lý các cấp theo quy định | Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại | UBND xã | | | |
| 36 | | 2.35. Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế cán bộ, công chức | 3.45. Rà soát tổng kê cán bộ, công chức không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao đề nghị cấp có thẩm quyền tinh giản | Tờ trình của đơn vị | UBND xã | | | |
| | | | 3.46. Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách tinh giản biên chế | Tờ trình của UBND xã | UBND xã | | | |
| | | | 3.47. Phối hợp, tạo điều kiện, cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng | Văn bản của UBND xã | UBND xã | UBND huyện | Trong năm 2024 | |
| 37 | | 2.36. Phối hợp kiểm tra, tự kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ và chấp hành kỷ luật, kỷ | 3.48. Tự kiểm tra | | Phòng Nội vụ, UBND xã | Cán bộ công chức xã | Thường xuyên | |

| TT | 1-Mục tiêu | 2-Nhiệm vụ | 3-Hoạt động | 4-Kết quả/ Sản phẩm | 5-Cơ quan chủ trì | 6-Cơ quan phối hợp | 7-Thời gian thực hiện | 8-Dự kiến kinh phí |
|------------|---|---|--|--|-------------------------|-----------------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| | | ương tại đơn vị | | | | | | |
| VI | CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG | | | | | | | |
| TT | 1.Mục tiêu | 2.Nhiệm vụ | 3. Hoạt động | 4.Kết quả/ sản phẩm | 5.Cơ quan chủ trì | 6.Cơ quan phối hợp | 7.Thời gian thực hiện | 8.Dự kiến Kinh phí |
| 38 | 1.18. Nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại đơn vị | 2.37. Cập nhật, triển khai hướng dẫn kịp thời khi Bộ Tài chính ban hành, hướng dẫn các nội dung mới liên quan thực hiện cơ chế tự chủ tài chính | 3.49. Thực hiện theo văn bản hướng dẫn | Hướng dẫn | UBND xã | Các ban ngành, bộ phận liên quan | Trong năm 2024 | |
| 39 | 1.20. Phối hợp kiểm tra việc sử dụng kinh phí tại đơn vị và dự án đầu tư công | 2.38. Phối hợp kiểm tra việc quản lý sử dụng kinh phí nguồn NSNN | 3.50. Xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác phối hợp kiểm tra | Quyết định/ Kế hoạch | UBND xã | Các đơn vị liên quan | Trong năm 2024 | |
| 40 | 1.21. Giải ngân kịp thời, đúng các quy định hiện hành nguồn vốn đầu tư công | 2.39. Tập trung giải ngân vốn đầu tư công | 3.51. Theo dõi, đơn đốc tình hình giải ngân vốn đầu tư công | Chỉ đạo, đơn đốc của UBND xã | UBND xã | Các cơ quan, đơn vị là chủ đầu tư | Thường xuyên | |
| VII | XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ | | | | | | | |
| 41 | 1.23. 40% cuộc họp của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể (<i>trừ các cuộc họp mật</i>) được tổ chức trực tuyến. | 2.40. Triển khai cuộc họp trực tuyến 4 cấp từ trung ương tới địa phương và các cuộc họp trực tuyến nội tỉnh trên địa bàn tỉnh, huyện | 3.52. Tham gia đầy đủ các cuộc họp, hội nghị, tập huấn, Hội thảo, công bố, hoạt động, phát động trên hệ thống Hội nghị | Các cuộc họp, hội nghị, tập huấn Hội thảo, công bố, hoạt động, phát động được tổ chức trực tuyến | Các ban, ngành, UBND xã | Các bộ phận liên quan | Trong năm 2024 | |

| TT | 1-Mục tiêu | 2-Nhiệm vụ | 3-Hoạt động | 4-Kết quả/ Sản phẩm | 5-Cơ quan chủ trì | 6-Cơ quan phối hợp | 7-Thời gian thực hiện | 8-Dự kiến kinh phí |
|----|--|---|---|--|------------------------------------|-----------------------|-----------------------------|-----------------------|
| | | | truyền hình trực tuyến do Trung ương, tỉnh, huyện, ngành dọc tổ chức | | | | | |
| 42 | 1.24. 85% hồ sơ công việc tại xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước). Ghi chú: Hồ sơ công việc bao gồm: Hồ sơ xử lý văn bản hành chính và Hồ sơ giải quyết TTHC. | 2.41. Đẩy mạnh việc thực hiện cập nhật, luân chuyển hồ sơ văn bản hành chính trên phần mềm quản lý văn bản; cập nhật, luân chuyển xử lý hồ sơ giải quyết TTHC trên phần mềm Một cửa điện tử, Một cửa điện tử liên thông và DVCT mức độ cao của tỉnh | 3.53. Đảm bảo nhập đủ hồ sơ, tài liệu và luân chuyển xử lý theo quy trình trên hồ sơ công việc trên các phần mềm. | Hồ sơ công việc tại xã được xử lý trên môi trường mạng | Các ban, ngành, UBND xã | Văn hoá và Thông tin | Trong năm 2024 | |
| | | | 3.54. Theo dõi, thống kê số lượng hồ sơ công việc được luân chuyển trên các phần mềm trong báo cáo tình hình sử dụng các phần mềm dùng chung hàng tháng | Thống kê cụ thể số lượng hồ sơ văn bản, hồ sơ giải quyết TTHC được xử lý trên các phần mềm | UBND xã | Bộ phận một cửa xã | Trong năm 2024 | |
| 43 | 1.26. Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ, trên 80% hộ gia đình; phủ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh. | 2.42. Phối hợp doanh nghiệp cung cấp dịch vụ và phát triển hạ tầng | 3.55. Ban hành văn bản đơn đốc doanh nghiệp dung cấp dịch vụ Viễn thông, Internet trên địa bàn xã | Văn bản chỉ đạo, đơn đốc của UBND xã | UBND xã | Các doanh nghiệp | Trong năm 2024 | |
| 44 | 1.27. 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng DVCTT | 2.43. Đảm bảo người dân, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng | 3.56. Tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp | 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ | Các doanh nghiệp và các ban ngành, | Các thôn, cấp huyện | Trong năm 2024 | |

| TT | 1-Mục tiêu | 2-Nhiệm vụ | 3-Hoạt động | 4-Kết quả/ Sản phẩm | 5-Cơ quan chủ trì | 6-Cơ quan phối hợp | 7-Thời gian thực hiện | 8-Dự kiến kinh phí |
|----|--|---|--|--|--|--|-----------------------------|-----------------------|
| | được cấp định danh và xác thực điện tử. | DVCTT tạo tài khoản, đăng nhập sử dụng trên Cổng DVC quốc gia | đăng ký tài khoản và sử dụng DVCTT. | công trực tuyến qua tài khoản trên Cổng DVC quốc gia | UBND xã | | | |
| 45 | 1.28. 100% TTHC có đủ điều kiện, được cung cấp DVCTT toàn trình trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh; 80% TTHC của tỉnh thực hiện qua DVCTT toàn trình, trong đó 100% DVCTT được tích hợp trên Cổng DVC quốc gia; tỷ lệ hồ sơ TTHC phát sinh trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết đạt từ 40% trở lên. | 2.44. Tiếp tục rà soát, nâng cao tỷ lệ cung cấp DVCTT toàn trình; tỷ lệ tích hợp trên Cổng DVC quốc gia; nâng tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC phát sinh trực tuyến. | 3.57. Thường xuyên rà soát, tái cấu trúc các TTHC nhằm đơn giản hóa TTHC, bổ sung danh mục các TTHC đủ điều kiện và được cung cấp thành DVCTT. | Đơn giản hóa TTHC; nâng cao tỷ lệ DVCTT | UBND xã | Văn phòng UBND huyện; Phòng Văn hoá và Thông tin | Thường xuyên | |
| | | | 3.58. Hoàn thiện và đảm bảo cập nhật chuẩn biểu mẫu điện tử (e-form) cho 100% DVCTT | Tạo lập e-form đầy đủ, chính xác cho 100% DVCTT | UBND xã | Phòng Văn hoá và Thông tin | Thường xuyên | |
| | | | 3.59. Tuyên truyền, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ DVCTT | Nâng cao tỷ lệ hồ sơ DVCTT | UBND xã; Tổ công nghệ số cộng đồng; Huyện đoàn | Người dân, doanh nghiệp | Thường xuyên | |
| | | | 3.60. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về DVCTT, Chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử; chính phủ số. | | UBND cấp xã; Tổ công nghệ số cộng đồng; Huyện đoàn | Người dân, doanh nghiệp | Thường xuyên | |
| 46 | 1.29. Hoàn thiện hạ tầng, đảm bảo ATTT | 2.45. Hoàn thiện hạ tầng số; triển khai các giải pháp đảm bảo | 3.61. Triển khai các hoạt động đảm bảo ATTT mạng | các hoạt động kiểm tra, đánh giá ATTT, tập huấn, | UBND xã | Phòng Văn hoá và Thông tin | Trong năm 2024 | |

| TT | 1-Mục tiêu | 2-Nhiệm vụ | 3-Hoạt động | 4-Kết quả/ Sản phẩm | 5-Cơ quan chủ trì | 6-Cơ quan phối hợp | 7-Thời gian thực hiện | 8-Dự kiến kinh phí |
|----|--|---|--|----------------------------|----------------------------|-----------------------|-----------------------------|-----------------------|
| | | ATTT mạng cho các hệ thống thông tin của xã | | diễn tập thực chiến, ... | | | | |
| | 3.62. Tiếp tục sử dụng chứng thư số | | Cấp mới, thu hồi, thay đổi thông tin, ... chứng thư số chuyên dùng đúng quy định | UBND xã | Phòng Văn hoá và Thông tin | Trong năm 2024 | | |
| | 3.63. Triển khai giám sát, đánh giá ATTT định kỳ, đột xuất. | | Thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá ATTT theo quy định | Phòng Văn hoá và Thông tin | UBND xã | Trong năm 2024 | | |
| | 3.64. Hoàn thiện hồ sơ đề xuất cấp độ gửi cấp trên phê duyệt | | Văn bản đề nghị | UBND xã | Phòng Văn hoá và Thông tin | Thường xuyên | | |